

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/10/2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hoài Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Hạnh**

2/ Ông **Võ Thu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2019 về việc: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Tống Thị Kim N** - Sinh năm: 1973

Địa chỉ: thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh T** - Sinh năm: 1974

Địa chỉ: thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2019, đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2019, bản tự khai ngày 21/5/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Tống Thị Kim N trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà Tống Thị Kim N và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2008 và được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118/2008 quyền số 01 ngày 16/12/2008.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn bà N và ông T về sống với nhau tại thôn P, xã C. Trong thời gian sống chung, vợ chồng bà N thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do ông T chơi bài bạc, cá độ bóng đá. Vào ngày Mùng 2 tết Âm lịch năm 2018, ông T đi cả đêm không về nhà mà không báo cho bà N biết, khi bà N hỏi chuyện thì ông T gây sự cãi vã và bỏ nhà đi cho tới nay. Bà N đã đi tìm và khuyên

ông T về với mẹ con bà nhưng ông T không về. Bà N và ông T đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống cùng nhau được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tổng Cát T sinh ngày 20/10/2009. Hiện nay, cháu T đang ở với bà N, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Tổng Thị Kim N đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Nguyễn Thanh T không chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn cũng như về việc nuôi con, cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 14/3/2019, bà Tổng Thị Kim N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu ly hôn:* Bà Tổng Thị Kim N và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2008 và được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118/2008 quyền số 01 ngày 16/12/2008, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà N và ông T đã xảy ra mâu thuẫn. Ông T đã bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ đầu năm 2018 cho đến nay. Bà N và ông T đã sống ly thân nhau đã gần hai năm, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, cho thấy thái độ bất cần, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng của ông

T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Tổng Thị Kim N là có căn cứ.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Bà N và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tổng Cát T sinh ngày 20/10/2009. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu T đang ở cùng với bà N và cháu T có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển thể chất của cháu T nên chấp nhận yêu cầu của bà N, tiếp tục giao cháu T cho bà N nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:* Bà Tổng Thị Kim N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí:* Bà Tổng Thị Kim N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Tổng Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Nguyễn Tổng Cát T sinh ngày 20/10/2009 cho bà Tổng Thị Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tổng Thị Kim N không yêu cầu nên không xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà Tổng Thị Kim N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Tổng Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0007564 ngày 19/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; bà Tổng Thị Kim N đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm